

Bản án số: 369/2022/HC- PT
Ngày: 26/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lê;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại đầu cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và đầu cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 115/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 4 năm 2022, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7107/2022/QĐXX-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện HH, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Trụ sở UBND huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Quang T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện HH; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3.2. Bà Dương Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

6. Chủ tịch và UBND xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Trụ sở UBND xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/8/2020 và các lời khai của ông Nguyễn Đức L là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T trình bày:

Đề nghị Tòa án tuyên: Hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND (UBND) huyện HH về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang và công nhận thửa đất số 750, tờ bản đồ số 14, diện tích 456m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất của gia đình ông T là có căn cứ, hợp pháp.

Căn cứ người khởi kiện đưa ra là: Đất của gia đình được chia từ năm 1981; năm 1993, chia lại thì vẫn được chia theo khẩu diện tích đất trên, nhân khẩu có 08 người, gồm: Bố Nguyễn Văn K (đã chết trước thời điểm chia ruộng), Mẹ Nguyễn Thị T (đã chết); Nguyễn Văn T; Dương Thị N (vợ ông T); Nguyễn Thị Th (đã chết); em trai Nguyễn Văn L1; con ông T gồm có: Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N; Nguyễn Thị M.

Thửa đất số 750, tờ bản đồ số 14, diện tích 465m², thuộc xứ đồng gò Cây Gạo có nguồn gốc gia đình được xóm giao theo định suất năm 1992; đến năm 1999 được UBND huyện cấp GCNQSD đất. Do vậy, thửa số 750, tờ bản đồ số 14, diện tích 456m² thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của hộ ông T.

Ý kiến của người bị kiện tại Văn bản số 617/UBND-TNMT ngày 30/3/2021 như sau:

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND: Đảm bảo theo đúng quy định tại Mục 3 (từ Điều 36 đến Điều 41) Luật Khiếu nại 2011 về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2; Chương 2 Thông tư số 07/2013/TT-

TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về nội dung và căn cứ ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND: Năm 2004, công dân thôn LY, xã H có đơn gửi Chủ tịch UBND huyện tố cáo hành vi sử dụng đất không hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Văn P và gia đình ông Nguyễn Văn T người cùng thôn LY. Ngày 30/6/2004, Phòng Địa chính Nông nghiệp (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường) có Báo cáo kết luận số 53/BC-ĐCNN về việc giải quyết đơn tố cáo của công dân. Ngày 17/9/2004, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 841/QĐ-CT về việc giải quyết đơn của công dân thôn LY, xã H, huyện HH, trong đó có nội dung: *“Thu hồi 465m² đất canh tác nông nghiệp tại các thửa 749 và 750 tờ bản đồ số 14 xã H do gia đình ông Nguyễn Văn T ở thôn LY, xã H sử dụng không hợp pháp...”*.

Sau khi Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 841/QĐ-CT ngày 17/9/2004, ông Nguyễn Văn T không có ý kiến thắc mắc nào khác. UBND xã H tổ chức Hội nghị đấu thầu diện tích 465m² đất nông nghiệp đã được Chủ tịch UBND huyện thu hồi theo Quyết định số 841/QĐ-CT tại Đình LY; kết quả ông Nguyễn Văn T là người trúng thầu diện tích 465m² đất công ích để sử dụng và mục đích sản xuất nông nghiệp, nộp sản cho thôn hàng năm. Sau khi trúng thầu ông T sử dụng đúng mục đích, thực hiện nộp tiền thuê khoán từ năm 2008 đến 2014 cho thôn LY1 (Biên bản đối thoại ngày 29/03/2019 và ngày 11/11/2019 của UBND xã H). Từ năm 2015 đến năm 2019, ông T không nộp tiền khoán thầu cho thôn LY1. Ngày 25/01/2019, thôn LY1 có báo cáo đề nghị UBND xã H thu hồi phần diện tích ông T đang khoán thầu. Ngày 09/9/2019, UBND xã H ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc hủy khoán thầu đất công ích đối với ông Nguyễn Văn T, thôn LY1, xã H, trong đó có nội dung: *“Hủy việc khoán thầu đất công ích giữa UBND xã H đối với ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: xóm TK, thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang”*.

Không nhất trí Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND xã H, ông T có đơn khiếu nại. Ngày 19/11/2019, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu), trong đó có nội dung: *“Giữ nguyên Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND xã H về việc hủy khoán thầu đất công ích đối với ông Nguyễn Văn T thôn LY1, xã H”*. Không nhất trí với kết quả giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã H, ông T tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND huyện HH.

Ngày 12/3/2020, Chủ tịch UBND huyện HH ban hành Quyết định số 1447/QĐ- UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất: Ngày 06/3/2020, Tổ xác minh làm việc với ông Nguyễn Đức L (do ông T ủy quyền), tại buổi làm việc, ông L cho biết: Thửa đất số 750, tờ bản đồ số 14, diện tích 465m², thuộc xứ đồng gò Cây Gạo có nguồn gốc gia đình được xóm giao theo định suất năm 1992; đến năm 1999 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 841/QĐ-CT ngày 17/9/2004 về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H, UBND xã đã bàn giao Quyết định cho gia đình, ông đã nhận được và không có ý kiến gì; đồng thời ông đã thực hiện việc thuê đất theo đúng sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện (thể hiện bằng việc nộp sản hằng năm). Tuy nhiên, đến năm 2015, theo ý kiến của cá nhân ông, ông cho rằng UBND xã H cho ông thuê phần diện tích nêu trên với thời hạn 15 năm là không đúng quy định của pháp luật nên ông đã không thực hiện nộp sản cho thôn.

UBND xã H cho biết: Diện tích 465m² là đất công ích do UBND xã quản lý (căn cứ Quyết định số 841/QĐ-CT ngày 17/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện), thuộc 02 thửa, cụ thể: Thửa đất 784, diện tích 261,2m² và thửa đất số 745, diện tích 203,8m² (thửa đất 745 có tổng diện tích 660,9m², trong đó: 203,8m² là đất công ích; còn lại 457,1m² là đất giao ổn định cho gia đình ông T) hiện nay UBND xã H đang quản lý (thể hiện bằng việc ông T thuê, khoán và nộp sản hằng năm). Tại Hội nghị đối thoại ngày 29/03/2019 và ngày 11/11/2019 do UBND xã H tổ chức, cho thấy: Giai đoạn 2004-2005, UBND xã H tổ chức hội nghị khoán thầu phần diện tích 465m² người trúng thầu là ông Nguyễn Văn T xóm TK, thôn LY là hoàn toàn đúng sự thật. Tuy nhiên, đến nay không ai còn giữ được hợp đồng thuê khoán. Qua xác minh, diện tích 465m² đất công ích, thuộc các thửa 749 và 750, tờ bản đồ số 14, bản đồ giải thửa được số hóa năm 2008, UBND huyện thu hồi tại Quyết định số 841/QĐ-CT ngày 17/9/2004 và giao cho UBND xã H quản lý, nay là thửa đất 784, diện tích 261,2m² và 203,8m² nằm trong thửa đất số 745, tờ số 17, bản đồ địa chính năm 2013. UBND xã đã tổ chức đấu thầu công khai tại Đình LY, ông T trúng thầu là đúng thực tế. Thửa đất 745, tờ bản đồ số 17 có tổng diện tích 660,9m² bao gồm: 203,8m² là đất công ích được giải quyết tại Quyết định số 841/QĐ-CT nêu trên, diện tích còn lại 457,1m² đất giao ổn định của gia đình ông T (thể hiện tại sổ địa chính được quản lý tại UBND xã). Như vậy, nội dung ông T phản ánh diện tích 465m² đất công ích được UBND huyện thu hồi tại Quyết định số 841/QĐ- CT ông đã khoán thầu và đang sử dụng thuộc diện giao ổn định cho gia đình ông là không đúng. Mặc dù cho đến thời điểm hiện nay, UBND xã, thôn LY1, ông T không lưu trữ được hợp đồng thuê khoán. Tuy nhiên, qua làm việc với ông T và

những người có liên quan (thể hiện tại Biên bản ngày 29/03/2019, ngày 11/11/2019 và ngày 06/3/2020) ông T cũng thừa nhận việc nhận thầu đối với phần diện tích đất công ích nêu trên. Như vậy, về bản chất ông T đã nhận thuê khoán phần diện tích đất công ích với UBND xã H. Quá trình thuê khoán, ông T chỉ thực hiện nghĩa vụ tài chính cho thôn từ năm 2008 đến 2014; từ năm 2015 đến nay, ông T không thực hiện. Do vậy, UBND xã chấm dứt việc thuê khoán đối với ông T là đúng quy định.

Tại buổi đối thoại ngày 29/4/2020 ông L cho rằng phần diện tích 465m² đất công ích mà gia đình ông T thuê khoán có nguồn gốc là đất giao ổn định năm 1993 và đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông cho biết hiện nay gia đình ông T đang thiếu diện tích được giao theo định suất năm 1993, đề nghị UBND huyện kiểm tra, xem xét lại.

Qua xác minh các ông trong Ban chia ruộng, ban quản lý thôn LY1 và UBND xã H khẳng định: Hiện nay không còn lưu giữ bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc chia ruộng của xóm TK giai đoạn năm 1993. Tuy nhiên, qua rà soát, các ông trong Ban chia ruộng cho biết trong tổng số 21 thửa đất với tổng diện tích là 4.865m² mà gia đình ông T được cấp GCNQSD đất, có 07 thửa với tổng diện tích là 1.200m² là không thuộc diện chia năm 1993, còn 14 thửa đất với tổng diện tích là 3.655m² là diện gia đình được chia theo định suất năm 1993.

Theo định suất chia năm 1993 của xóm TK, thôn LY, gia đình ông T có 08 định suất với mỗi định suất được chia là 432m²; tổng diện tích là 08 x 432m² = 3.456m². Trên thực tế gia đình ông T đang sử dụng là 3.655m². Như vậy, phần diện tích 3.655m² (chưa tính phần diện tích 465m² đất 5 công ích được xử lý tại Quyết định số 841/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện) gia đình đang sử dụng đảm bảo đủ so với định suất giao năm 1993, việc ông T cho rằng nếu thu hồi phần diện tích đất công ích nêu trên thì sẽ bị thiếu diện tích giao theo định suất năm 1993 là không có cơ sở.

Nhận xét, kết luận của Tổ công tác: Mặc dù, cho đến thời điểm hiện nay UBND xã H, thôn LY1 và cá nhân ông T không lưu giữ được hợp đồng thuê khoán, tuy nhiên việc ông T trúng thầu là hoàn toàn có thật. Ông T sử dụng đúng mục đích và thực hiện nghĩa vụ tài chính cho thôn từ năm 2008 đến năm 2014. Tại thửa đất 745 diện tích 660,9m² có 457,1m² đất thuộc diện giao ổn định của gia đình ông T phần diện tích còn lại là đất công ích được Chủ tịch UBND huyện giải quyết tại Quyết định số 841/QĐ-CT. Như vậy, diện tích đất nông nghiệp gia đình ông được giao hiện nay vẫn được đảm bảo đủ; nội dung ông cho rằng diện tích 465m² đất công ích ông đã khoán thầu và đang sử dụng thuộc diện giao ổn định cho gia đình ông là không có căn cứ. Từ năm 2015 cho đến nay ông T vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đã khoán thầu nhưng không thực hiện nghĩa

vụ tài chính. Để đảm bảo công tác quản lý nhà nước về đất đai, UBND xã ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND hủy khoán thầu đất công ích đối với ông T. Sau khi UBND xã ban hành Quyết định trên, ông T có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND xã đã xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 đã giữ nguyên Quyết định số 06/QĐ-UBND là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định. Từ những nội dung nêu trên, người bị kiện cho rằng việc Chủ tịch UBND huyện HH ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Theo Chủ tịch và UBND xã H có Văn bản số 22/CV-CT ngày 23/3/2021: Chủ tịch UBND xã cung cấp chứng cứ cho Tòa án là toàn bộ tài liệu, hồ sơ ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 và Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 và đưa ra các căn cứ pháp luật để ban hành các quyết định hành chính nêu trên đảm bảo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Theo ông Nguyễn Đức L: Đất của gia đình được chia từ năm 1981, năm 1993 chia lại thì vẫn được chia theo khẩu diện tích đất trên, nhân khẩu có 08 người: Bố Nguyễn Văn K (đã chết trước thời điểm chia ruộng), mẹ bà Nguyễn Thị T (đã chết); Nguyễn Văn T; Dương Thị N (vợ ông T); Nguyễn Thị Th (đã chết); em trai Nguyễn Đức L; con ông T: Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị M.

Việc chia đất năm 1993 gia đình đã được chia đất theo tiêu chuẩn về diện tích đất này khoảng hơn 400m²; các ông trong ban chia đất cũng đã thừa nhận có việc chia đất cho gia đình; gia đình ông T vẫn sử dụng ổn định từ năm 1981 đến giờ. Nhưng do thiếu sót của cán bộ đã không vào sổ đỏ cho gia đình ông dẫn đến việc Chủ tịch huyện ra quyết định thu hồi; nếu thu hồi như vậy, thì gia đình ông bị thiếu ruộng so với định suất được chia của thôn, xóm. Ông L đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/07/2020 của Chủ tịch UBND huyện HH về việc giải quyết khiếu nại của ông T. Về giấy tờ quyền sử dụng đất: Do diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ nên ông không có để cung cấp cho Tòa án.

Theo bà Dương Thị N, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn N đều trình bày: Gia đình được chia đất từ năm 1981; đến năm 1993, chia đất lại lúc đó các anh, chị còn nhỏ, khi lớn lên thấy gia đình vẫn canh tác trên diện tích đất này, không có tranh chấp. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều

193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 18, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật Khiếu nại 2011; Chương 2 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính; khoản 3 Điều 59 Luật đất đai năm 2013. Điều 492 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện HH về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/5/2021, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Đức L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện HH.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Quang Toàn đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn N đề nghị xem xét việc khoán thầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 07/7/2020, Chủ tịch UBND huyện HH, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Ngày 30/7/2020, ông T có đơn khởi kiện và ngày 14/8/2020, ông T có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp

pháp của các quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định số 2922/QĐ-UBND là đúng theo quy định Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện HH.

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND huyện HH là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND: Ngày 09/9/2019, UBND xã H ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc hủy khoán thầu đất công ích đối với ông T; không đồng ý với Quyết định số 06/QĐ-UBND nên ông T đã có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND xã H đã ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần 1, có nội dung: Giữ nguyên Quyết định 06/QĐ-UBND. Ông T khiếu nại đối với Quyết định số 229/QĐ-UBND; ngày 07/7/2020, Chủ tịch UBND huyện HH ban hành Quyết định số 2922/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.3]. Về nội dung: Năm 2004, bà Nguyễn Thị H ở thôn LY, xã H có đơn tố cáo hành vi sử dụng đất nông nghiệp của gia đình ông T. Theo Báo cáo kết luận số 53/BC-ĐCNN ngày 30/6/2004 của Phòng Địa chính huyện HH thì gia đình ông T được cấp GCNQSD đất diện tích 4.865m² đất nông nghiệp, nhưng thực tế sử dụng 5.330m²; trong đó có 465m² đất công ích của UBND xã H giao cho Ban quản lý thôn LY quản lý. Mặt khác, qua xác minh các ông trong Ban chia ruộng, Ban quản lý thôn LY1 và UBND xã H khẳng định: Hiện nay không còn lưu giữ bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc chia ruộng của xóm TK giai đoạn năm 1993. Tuy nhiên, qua rà soát và theo ý kiến của các ông trong Ban chia ruộng cho biết trong tổng số 21 thửa đất với tổng diện tích là 4.865m² mà gia đình ông T được cấp GCNQSD đất, có 07 thửa với tổng diện tích là 1.200m² là không thuộc diện chia năm 1993, còn 14 thửa đất với tổng diện tích là 3.655m² là diện gia đình được chia theo định suất năm 1993.

[2.4]. Theo định suất chia năm 1993 của xóm TK, thôn LY, gia đình ông T có 08 định suất với mỗi định suất được chia là 432m²; tổng diện tích là $08 \times 432\text{m}^2 = 3.456\text{m}^2$. Trên thực tế gia đình ông T đang sử dụng là 3.655m². Như vậy, phần diện tích 3.655m² (chưa tính phần diện tích 465m² đất công ích) gia đình ông T đang sử dụng đảm bảo đủ so với định suất giao năm 1993, việc ông T cho rằng nếu thu hồi phần diện tích đất công ích nêu trên thì sẽ bị thiếu diện tích giao theo định suất năm 1993 là không có cơ sở. Ngày 17/9/2004, Chủ tịch UBND huyện HH ban hành Quyết định số 841/QĐ-CT về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H ở thôn LY xã H, có nội dung: “*Thu hồi 465m² đất canh tác nông nghiệp tại các thửa 749 và 750, tờ bản đồ số 14 xã H do gia đình ông*

Nguyễn Văn T sử dụng không hợp pháp; giao cho UBND xã H quản lý diện tích đất này” là đúng trình tự và thủ tục.

[2.5]. Từ năm 2004 đến năm 2019, UBND xã H giao cho Ban quản lý thôn LY quản lý diện tích đất công ích nêu trên và Ban quản lý đã tiến hành khoán thầu cho gia đình ông T, ông T đã đóng tiền khoán thầu cho Ban quản lý thôn các năm: Năm 2007 đến năm 2014 mỗi năm 200.000đ, riêng năm 2011 là 250.000đ (có phiếu thu tiền); từ năm 2015 đến năm 2019, gia đình ông T không nộp tiền khoán thầu nữa mà cho rằng diện tích 465m² này gia đình ông T quản lý ổn định từ năm 1991, thuộc trường hợp nhà nước giao đất cho các thành viên hộ gia đình ông T, đã được cấp GCNQSD đất ngày 04/10/1999 tại thửa 750, tờ bản đồ số 14. Việc ông T không nộp tiền khoán thầu là không thực hiện đúng cam kết khi tham gia đấu thầu; vi phạm Điều 492 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 59 Luật đất đai năm 2013. Do đó, ngày 09/9/2019 UBND xã H ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc hủy khoán thầu đất công ích đối với ông T là đúng quy định của pháp luật. Như vậy, sau khi bị thu hồi đất năm 2004, gia đình ông T cũng không có ý kiến gì mà tham gia đấu thầu, trúng thầu và tiếp tục được giao quản lý, sử dụng đất. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của ông T cho rằng diện tích 465m² đất gia đình ông T quản lý ổn định từ năm 1991, thuộc trường hợp Nhà nước giao đất cho các thành viên hộ gia đình ông T và không nộp tiền khoán thầu.

[2.6]. Theo phân tích tại đoạn [2.3], [2.4], [2.5] UBND xã H ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND là có căn cứ. Do đó, Chủ tịch UBND xã H đã ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần 1, có nội dung: Giữ nguyên Quyết định 06/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện HH, có nội dung: Thống nhất nội dung đã nêu trong Quyết định số 229/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã H và yêu cầu Chủ tịch UBND xã H, ông T thực hiện nghiêm Quyết định số 841/QĐ-CT; Chủ tịch UBND xã H có trách nhiệm chỉ đạo xác định rõ vị trí, ranh giới đối với phần diện tích 465m² đất công ích nêu trên, đưa vào quản lý theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T về việc hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện HH.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 18, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật Khiếu nại 2011; Chương 2 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính; Khoản 3 Điều 59 Luật đất đai năm 2013; Điều 492 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện HH về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn LY1, xã H, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000058 ngày 12/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, Phòng HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Hùng

Nguyễn Thế Lệ

Lê Thị Thúy Bình

